TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HS- PT
Ngày: 05/3/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hoà.**

Các thẩm phán: - Ông **Phùng Anh Dũng**

- Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Dương Thị Huỳnh N, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị hại và bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: Dương Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/3/1988, tại huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ); nơi cư trú: khối phố Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Số C Đ, phường B, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12**;** con ông Dương Văn T (sinh năm 1965) và bà Huỳnh Thị C (sinh năm 1964); có chồng là Thái Văn S (sinh năm 1987) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 15/10/2021, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo** Dương Thị Huỳnh N **theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng:** Luật sư Nguyễn Thành Đ - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Số B P, xã N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị hại:** Ông Huỳnh Công V, sinh năm 1984. Địa chỉ: khối phố X, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Dương Thị Huỳnh N quen biết với Mai Thị Hành T1, N đưa ra thông tin gian dối là có quan hệ quen biết với nhiều người có chức vụ quyền hạn tại tỉnh Quảng Nam, ngoài ra còn có bạn thân tên là D (công tác tại Văn phòng C2, Thanh tra Chính phủ, có quan hệ bà con với Chủ tịch nước) và có thể giúp T1 mua lại đất tái định cư giá rẻ của người dân, tại Khu dân cư A, thành phố T. Do tin tưởng nên T1 đồng ý giao tiền cho N nhiều lần để đặt cọc mua đất. Nhưng thực tế N không sử dụng số tiền này để mua đất cho T1 mà sử dụng vào mục đích trả nợ và trả tiền lãi suất cho các khoản vay của nhiều người khác trước đó. N còn tự lập ra Zalo của D để nhắn tin cho T1 tin tưởng, đồng thời N lấy lý do nhờ D tác động chính quyền để được mua đất tái định cư tại khu dân cư A, phường T, T và không bị Chính phủ thanh tra để T1 tin tưởng giao tiền cho N chiếm đoạt. N còn sử dụng số điện thoại giả Ca Quốc H (công tác tại Trung tâp phát triển quỹ đất T) để nhắn tin với T1 trao đổi mua đất đã phân lô tại khu A phường T, thành phố T, mua lại trụ sở nhà Khối phố chợ T10, phường A, thành phố T giúp T1. Đồng thời đưa ra nhiều thông tin gian dối như cần tiền cho những người có chức vụ quyền hạn tại tỉnh Quảng Nam mượn, cụ thể: Anh T5 - Phó Chủ tịch tỉnh, chị H1, anh T2 - Công tác tại Sở T11, chị V1 - công tác tại Văn phòng Đ1, anh H2 - chủ khách sạn L2…. Mặt khác N còn nhận tiền của T1 để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách nhằm hưởng chênh lệch lãi suất. Tuy nhiên, N chỉ làm đáo hạn ngân hàng 05 trường hợp (đáo hạn cho Nguyễn Thị Ngọc M, Phạm Ngọc C1, Đinh Nhật H2, Phạm Thị T3 và Lê Thị H3), còn lại N sử dụng vào việc chuyển trả tiền mượn và tiền lãi suất của N với nhiều người khác trước đó, trong đó có Mai Thị Hành T1.

1. Đối với người bị hại Mai Thị Hành T1.

1.1. Số tiền giao dịch trên sao kê tài khoản ngân hàng:

Trong thời gian từ ngày 31/8/2020 đến ngày 24/9/2022, Dương Thị Huỳnh N sử dụng 03 (ba) tài khoản ngân hàng mở tại các ngân hàng: T12, Q, Đ (Chi nhánh Q) giao dịch tiền với Mai Thị Hành T1 và chiếm đoạt tiền, như sau:

- Tại sao kê tài khoản Ngân hàng Q1 (MB) của N, xác định: Mai Thị Hành T1 chuyển cho N số tiền là: 52.527.050.000 đồng (Năm mươi hai tỷ, năm trăm hai bảy triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng).

- Tại sao kê tài khoản Ngân hàng T12 của N: N chuyển cho Mai Thị Hành T1 số tiền là: 23.596.512.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm mười hai ngàn đồng).

- Tại sao kê tài khoản Đông Á của N, Mai Thị Hành T1 chuyển cho N số tiền là: 1.211.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm mười một triệu đồng).

Cơ quan điều tra đã xác minh, làm việc tất cả những cá nhân phát sinh giao dịch chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng với N, xác định N có thực hiện đúng mục đích ban đầu (đáo hạn ngân hàng) cho các cá nhân: Phạm Thị T3: 1.500.000.000 đồng, Lê Thị H3: 440.000.000 đồng, Phạm Ngọc C1: 300.000.000 đồng, Đinh Nhật H2: 1.645.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc M: 2.300.000.000 đồng. N đáo hạn ngân hàng cho khách hàng của T4 (nhân viên Ngân hàng B - Chi nhánh Quảng Nam) số tiền 2.000.000.000 đồng. Đáo hạn ngân hàng cho N năm 2020 tại Ngân hàng B Chi nhánh Q là 2.000.000.000 đồng. Năm 2016, 2017 N có làm đáo hạn ngân hàng cho N tại Ngân hàng E số tiền 5.000.000.000 đồng. Năm 2021, N đáo hạn ngân hàng tại Ngân hàng B1 chi nhánh Q với số tiền 5.600.000.000 đồng. Năm 2021, N đáo hạn ngân hàng cho chị Phạm Trần Thúy D1 ở Ngân hàng B1 số tiền 3.500.000.000 đồng; đáo hạn ngân hàng cho chị Phạm Trần Thúy D1 ở Ngân hàng A số tiền 3.200.000.000 đồng; thông qua chị D1, N làm đáo hạn, rút số (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho chị Trần Thị Ánh N1 số tiền 2.000.000.000 đồng; đáo hạn cho chị Phạm Trần Thúy D2 900.000.000 đồng. Đáo hạn ngân hàng cho ông Hồ Văn N2 với số tiền 800.000.000 đồng. Tổng số tiền N sử dụng vào mục đích đáo hạn ngân hàng là: 29.185.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi N thực hiện việc đáo hạn ngân hàng cho các cá nhân trên xong thì tiếp tục đưa ra hành vi gian dối là đáo hạn Ngân hàng cho các cá nhân khác để bị hại T1 tin tưởng giao tiền trở lại cho N, N đã chiếm đoạt số tiền này để sử dụng vào mục đích khác, cho nên số tiền chiếm đoạt của bị can Dương Thị Huỳnh N là tổng số tiền chênh lệch trên sao kê tài khoản ngân hàng giữa N với T1 và tiền mặt N nhận từ T1.

Tổng số tiền Dương Thị Huỳnh N đã chiếm đoạt của Mai Thị Hành T1 trên sao kê tài khoản ngân hàng là: 52.527.050.000 đồng + 1.211.000.000 đồng - 23.596.512.000 đồng = 30.141.538.000 đồng (ba mươi tỷ một trăm bốn mốt triệu năm trăm ba mươi tám nghìn).

1.2. Ngoài giao dịch tiền qua tài khoản ngân hàng, N còn nhận tiền mặt của Mai Thị Hành T1, cụ thể:

- Tại giấy mượn tiền ngày 03/02/2021, thể hiện Dương Thị Huỳnh N mượn của Mai Thị Hành T1 số tiền: 15.000.000.000 đồng.

- Tại giấy mượn tiền ngày 26/9/2021, thể hiện nội dung Dương Thị Huỳnh N mượn của Mai Thị Hành T1 số tiền: 21.967.903.700 đồng (tổng số tiền giao dịch qua tài khoản ngân hàng giữa Dương Thị Huỳnh N với Mai Thị Hành T1, từ năm 2018 đến ngày 26/9/2021 là 3.032.096.300 đồng. Như vậy, số tiền 25.000.000.000 đồng, ghi lại giấy nợ ngày 26/9/2021, trong đó có tiền chuyển khoản qua tài khoản

ngân hàng là 3.032.096.300 đồng, tiền mặt là 25.000.000.000 đồng – 3.032.096.300 đồng = 21.967.903.700 đồng.

- Ngày 19/01/2022, Dương Thị Huỳnh N nhận tiền mặt của Mai Thị Hành T1, số tiền: 2.700.000.000 đồng nói là để làm đáo hạn ngân hàng cho anh Trần Văn T5 (nguyên Phó chủ tịch tỉnh Quảng Nam), nhưng không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền trên.

- Trong thời gian năm 2018, 2019, Dương Thị Huỳnh N đưa ra nhiều thông tin gian dối như bỏ bì cho những người có chức vụ, quyền hạn để mua đất tái định cư tại khu dân cư ADB, nhà Văn hóa phường A, thuê đất cho chị T1 tại đường P (sát bên Công ty Đ2) để chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền mặt mà Dương Thị Huỳnh N đã chiếm đoạt của Mai Thị Hành T1 thông qua giao dịch tiền mặt là: 40.267.903.700 đồng (Bốn mươi tỷ hai trăm sáu bảy triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Dương Thị Huỳnh N chiếm đoạt của Mai Thị Hành T1 từ năm 2018 đến năm 2022, là: 70.409.441.700 đồng (Bảy mươi tỷ bốn trăm lẻ chín triệu bốn trăm bốn mốt nghìn bảy trăm đồng).

2. Ngoài ra để có tiền xoay vòng trả tiền gốc và tiền lãi suất cho Mai Thị Hành T1 và nhiều người khác, với thủ đoạn như trên N đã chiếm đoạt tiền của một số người, cụ thể:

2.1. Đối với Nguyễn Thị Thùy T6:

Trong thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, Dương Thị Huỳnh N đã nhiều lần mượn tiền của T6 để đáo hạn ngân hàng, mua đất nhưng không thực hiện mà chiếm đoạt, ngoài ra để tạo niềm tin cho T6, N còn ký giả chữ ký của chồng mình là Thái Văn S vào trong 05(năm) giấy mượn tiền vào các ngày 26/3/2022, 12/7/2022, 12/8/2022 để T6 tin tưởng giao tiền. Tổng số tiền N đã mượn của Nguyễn Thị Thùy T6 là: 5.070.000.000 đồng. N lấy tiền của nhiều người khác ở những khoản vay, mượn trước đó trả số tiền gốc, lãi cho T6, là: 3.900.600.000 đồng. Do đó, Dương Thị Huỳnh N chiếm đoạt của T6 số tiền: 5.070.000.000đồng - 3.900.600.000 đồng = 1.169.000.000 đồng.

2.2. Đối với Phùng Thị Minh S1:

Đầu năm 2022 đến tháng 7 năm 2022, N mượn tiền của S1 nhiều lần, nói là để làm đáo hạn ngân hàng nhưng thực tế N không làm đáo hạn ngân hàng mà trả các khoản tiền mượn và vay trước đó cho nhiều người. N và S1 đã chốt lại số tiền N nợ S1 bằng một tờ giấy ghi "Em Dương Thị Huỳnh N có mượn của chị S1 1.180.000.000 đồng. Ngày mượn là ngày 14/6/2022, ngày trả là ngày 14/7/2022" Dương Thị Quỳnh N3 ký tên. Theo sao kê tài khoản ngày 06/7/2022, bà S1 có nhận được tiền chuyển khoản từ N3 là 1.500.000.000 đồng, sau đó S1 chuyển lại Nga 500.000.000 đồng. Vậy nên, số tiền chiếm đoạt của N3 đối với S1 là 1.794.200.000 đồng (số tiền S1 chuyển dư cho N3 qua sao kê Ngân hàng) – 1.000.000.000 đồng (số tiền N3 sử dụng tài khoản của Thái Văn S chuyển cho S1) = 794.200.000 đồng.

2.3. Đối với Lê Thị Thanh H4:

Trong thời gian năm 2021, 2022, Lê Thị Thanh H4 nhiều lần chuyển tiền cho N3 mượn để làm đáo hạn ngân hàng, mua đất, nhưng N3 không thực hiện đúng mục đích ban đầu, đã sử dụng tiền của H4 để trả lãi, gốc cho các khoản vay, mượn trước đó, dẫn đến không có khả năng trả nợ. Sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện từ thời điểm năm 2021 đến năm 2022, số tiền giao dịch chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng A1, Chi nhánh Q số: 0361012360011 của bà H4 đến tài khoản T12 số: 19023442974013 và tài khoản MB số 0905724935 của N3 thì số tiền N3 chuyển dư cho bà H4 là 20.374.890.000 đồng (N3 và H4 giao dịch tiền qua nhiều hình thức như thông qua ngân hàng, giao tiền mặt với nhau).

Sau khi biết N3 không có khả năng trả nợ, ngày 08/9/2022, Lê Thị Thanh H4 đề nghị N3 chốt lại số tiền nợ mà N3 đã mượn (mua đất, đáo hạn ngân hàng) trước đó, đồng thời yêu cầu Thái Văn S ký xác nhận khoản nợ này để đảm bảo cho việc trả nợ sau này. Tổng số tiền mà N3 đã chiếm đoạt của Lê Thị Thanh H4 là: 1.680.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng).

2.4. Đối với Huỳnh Công V:

Từ ngày 14/7/2022 đến ngày 28/7/2022, Dương Thị Huỳnh N đã đưa ra thông tin gian dối để mượn tiền như: Làm đáo hạn ngân hàng, hẹn thời gian trả nợ cụ thể cho anh V, để anh V tin tưởng, cho mượn tiền (Nga viết 04 (bốn) giấy mượn tiền đưa V, giấy mượn tiền vào các ngày 14/7/2022, 10/9/2022 và 10/12/2022). Tuy nhiên, N sử dụng số tiền của anh V vào mục đích trả nợ và lãi cho các khoản vay mượn trước đó của nhiều người khác. Tổng số tiền Dương Thị Huỳnh N đã chiếm đoạt của Huỳnh Công V: 4.280.000.000 đồng (Bốn tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng).

2.5. Đối với Nguyễn Ngọc T7:

Trong thời gian tháng 5/2022, Dương Thị Huỳnh N đưa ra thông tin gian dối đối với Nguyễn Ngọc T7 là có quan hệ quen biết với nhiều Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T và có thể mua đất phân lô bán với giá rẽ hơn giá thị trường. Do tin tưởng lời của N nói nên Nguyễn Ngọc T7 chuyển cho N số tiền 300.000.000 đồng để đặt cọc đất, nhưng thực tế N không mua đất mà chiếm đoạt số tiền trên, để trả tiền gốc, lãi cho các khoản vay trước đó (gồm trả cho bà Phạm Trần Thúy D1 250.000.000 đồng; chuyển khoản qua tài khoản T12 – Chi nhánh Q của Nga 50.000.000 đồng).

Từ năm 2018 đến năm 2022, Dương Thị Huỳnh N đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt với tổng số tiền: 75.865.538.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn đồng).

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa Dương Thị Huỳnh N với Mai Thị Hành T1;

- 01 (một) Ipad Air 2, số I: 354423067981833, 01 (một) điện thoại di động kiểu hiệu S2 5, số I: 35272207438444/01;

- Số tiền: 50.050.000 đồng (Năm mươi triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng y);

- 01(một) máy tính MacOS Big Sur, phiên bản 11.2.3, Macbook Air (R-inch, 2019), bộ nhớ 8GB 2133 MHz LPDDR3, số seri: FVFZ42WGLYWL của Mai Thị Hành T1 giao nộp;

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BH 511586 đứng tên ông Nguyễn Đình M1 và bà Dương Thị N4 (địa chỉ: khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam).

* Kết luận giám định số 09 ngày 10/02/2023, số 124 ngày 05/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự tỉnh Q xác định:

- Chữ ký, chữ viết họ tên Dương Thị Huỳnh N trên các giấy mượn tiền: Ngày 03/02/2021, 26/9/2021, 23/6/2022, 12/7/2022, 14/7/2022, 12/8/2022, 08/9/2022, 10/9/2022, 10/12/2022, là do Dương Thị Huỳnh N viết, ký ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên Thái Văn S trên các giấy mượn tiền (N viết cho Nguyễn Thị Thùy T6): Ngày 23/6/2022, 12/7/2022, 12/8/2022, không phải do Thái Văn S viết, ký ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên Thái Văn S trên các giấy mượn tiền (N viết giấy mượn tiền cho bà Lê Thị Thanh H4): Ngày 08/9/2022, 10/9/2022, là do Thái Văn S viết, ký ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên Dương Thị Huỳnh N trên giấy mượn tiền giữa Dương Thị Huỳnh N và Phùng Thị Minh S1: Ngày 14/6/2022, là do Dương Thị Huỳnh N viết, ký ra.

* Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã tiến hành kê biên tài sản của Dương Thị Huỳnh N:

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ban hành Lệnh kê biên số: 09/LKB-CSĐT(Đ2), ngày 02/8/2023 tiến hành kê biên thửa đất số: 10 và 16, tờ bản đồ số: 26b, cùng giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BX835121, do UBND thành phố T cấp ngày 25/03/2015, để đảm bảo giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

- Ngày 04/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ban hành Yêu cầu số: 749/YC-VPCQCSĐT(Đ2) tạm dừng giao dịch tài sản là Quyền sử dụng đất đối với Dương Thị Huỳnh N trên địa bàn Quảng Nam.

- Ngày 04/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ban hành yêu cầu số: 751/YC-VPCQCSĐT(Đ2) gửi Phòng C3, tạm dừng giao dịch chuyển nhượng đối với chiếc xe ôtô 92A-157.61, 92C-077.83 của Dương Thị Huỳnh N.

- Ngày 15/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ban hành Yêu cầu số 232/YC-VPCQCSĐT(Đ2) đề nghị Tập đoàn C4 cung cấp dữ liệu điện tử đối với

các thuê bao di động: 0386961595, 0387107983 (theo Dương Thị Huỳnh N khai đây là 02 số điện thoại N sử dụng để giả là D làm ở Thanh tra Chính phủ và Ca Quốc H công tác tại Trung tâm P để lừa Mai Thị Hành T1), nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Thị Huỳnh N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo N số tiền 50.050.000 đồng, đây là tiền cá nhân của bị cáo. Bị cáo N đồng ý dùng số tiền này để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

"1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Huỳnh N *phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Xử phạt bị cáo Dương Thị Huỳnh Nga T8 *chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.*

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Dương Thị Huỳnh N *có nghĩa vụ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:*

- Bồi thường cho bà Mai Thị Hành T1 *số tiền 70.409.441.700 (bảy mươi tỷ bốn trăm lẻ chín triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm) đồng.*

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy T6 *số tiền 1.169.000.000 (một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu) đồng.*

- Bồi thường cho bà Phùng Thị Minh S1 *số tiền 794.200.000 (bảy trăm chín mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.*

- Bồi thường cho ông Huỳnh Công V *số tiền 4.280.000.000 (bốn tỷ hai trăm tám mươi triệu) đồng.*

- Bồi thường cho bà Lê Thị Thanh H4 *số tiền 1.680.000.000 (một tỷ sáu trăm tám mươi triệu) đồng.*

- Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T7 *số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.*

Tổng cộng số tiền bị cáo Dương Thị Huỳnh N *phải bồi thường cho các bị hại là 78.632.641.700 (bảy mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm) đồng.*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Dương Thị Huỳnh N *không thi hành số tiền bồi thường nêu*

trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/8/2025, người bị hại Huỳnh Công V kháng cáo đề nghị làm rõ dòng tiền mà bị cáo chiếm đoạt của ông chuyển cho người thân và người khác để thu hồi và khắc phục thiệt hại cho ông.

Ngày 29/8/2025, bị cáo Dương Thị Huỳnh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo đều giữ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Đ: Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt từ bị hại T6 là không chính xác vì T6 không có tài liệu chứng minh đã chuyển khoản hay đưa tiền mặt cho bị cáo cụ thể bao nhiêu tiền. Đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm.

Đại diện VKS công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Dương Thị Huỳnh N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt tù chung thân đối với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N. Đối với kháng cáo của bị hại thì bị cáo dùng tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền từ nhiều người và chuyển tiền đi cho nhiều người nên không thể xác định số tiền chiếm đoạt từ anh V đã chuyển cho ai để từ đó buộc người nhận tiền trả lại cho anh V nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Thị Huỳnh N khai nhận một phần hành vi phạm tội, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2022, Dương Thị Huỳnh N đưa ra thông tin gian dối có quen biết với người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (cũ), Thanh tra Chính phủ, Văn phòng C2 để tạo lòng tin cho những bị hại để bị hại đưa tiền cho Huỳnh N làm đáo hạn ngân hàng, mua đất nền tái định cư…để chiếm đoạt của bị hại Mai Thị Hành T1, Nguyễn Thị Thùy T6, Phùng Thị Minh S1, Lê Thị Thanh H4, Huỳnh Công V và Nguyễn Ngọc T7 với tổng số tiền là 78.632.641.700 đồng (*bảy mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm đồng*). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Thị Huỳnh N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày không thừa nhận số tiền 5 tỷ đồng được ghi trong giấy mượn tiền nợ của bà Mai Thị Hành T1 vì bà T1 yêu cầu bị cáo viết để đối phó với chồng, nhưng bị cáo không xuất trình được tài liệu chứng minh vấn đề này, hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nội dung này.

Bị cáo Huỳnh N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo thể hiện xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Huỳnh N với mức phạt nghiêm, khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm này tại địa phương.

Điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.*

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên".

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 78.632.641.700 đồng cũng như bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục được một phần hậu quả, phạm tội khi đang có thai được quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để từ đó xử phạt bị cáo mức hình phạt tù chung thân là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Thị Huỳnh N.

[3] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Công V:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N xác nhận số tiền chiếm đoạt từ anh Huỳnh Công V thì bị cáo trả nợ gốc và lãi xuất của những khoản vay mượn trước đó của nhiều người.

Hơn nữa, trong thời gian anh V chuyển tiền cho bị cáo thông qua tài khoản ngân hàng của bị cáo thì trong tài khoản bị cáo cũng có tiền và bị cáo cũng nhận tiền từ những người khác nhau, sau đó bị cáo tiếp tục dùng tài khoản để chuyển tiền cho nhiều người khác nhau nên không thể xác định cụ thể số tiền mà anh V chuyển cho bị cáo thì bị cáo chuyển cho ai.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Công V

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Huỳnh N, bị hại anh Huỳnh Công V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Xử phạt bị cáo Dương Thị Huỳnh Nga T8 chung thân về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Dương Thị Huỳnh N có nghĩa vụ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Mai Thị Hành T1 số tiền 70.409.441.700 (bảy mươi tỷ bốn trăm lẻ chín triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm) đồng.

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy T6 số tiền 1.169.000.000 (một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu) đồng.

- Bồi thường cho bà Phùng Thị Minh S1 số tiền 794.200.000 (bảy trăm chín mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

- Bồi thường cho ông Huỳnh Công V số tiền 4.280.000.000 (bốn tỷ hai trăm tám mươi triệu) đồng.

- Bồi thường cho bà Lê Thị Thanh H4 số tiền 1.680.000.000 (một tỷ sáu trăm tám mươi triệu) đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T7 số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Dương Thị Huỳnh N phải bồi thường cho các bị hại là 78.632.641.700 (bảy mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Dương Thị Huỳnh N không thi hành số tiền bồi thường nêu

trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về án phí phúc thẩm: bị cáo Dương Thị Huỳnh T9 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngay tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa